

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số:03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-5-2021

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang và ông Y Đơ Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê– Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2021 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/5/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Danh B, sinh năm 1975. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị G trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Danh B đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 04/3/2004. Sau khi về chung sống, thời gian đầu vợ chồng tôi sống hạnh phúc và có 03 (ba) con chung. Tuy nhiên, đến cuối năm 2016, vợ chồng tôi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn: Hai vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống và không có sự tôn trọng với nhau.

Hiện nay vợ chồng tôi đang sống ly thân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Danh B.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, tôi với ông Nguyễn Danh B có 03 (ba) con chung: Cháu Nguyễn Thị B, sinh năm 1999, hiện nay cháu B đã lập gia đình nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Nguyễn Danh Gia H, sinh ngày 13/9/2008. Tôi có nguyện vọng nhận nuôi cháu Nguyễn Thị H và cháu Nguyễn Danh Gia H đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi, tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Danh B trình bày:* Tôi nhất trí với các nội dung bà Nguyễn Thị G trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung. Tuy nhiên, tôi nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà Nguyễn Thị G và vì hạnh phúc gia đình và các con nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Tôi không đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị G nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử tại phiên tòa đảm bảo quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị G lập ngày 21/01/2021, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Danh B có nơi cư trú tại tổ dân phố 11, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình tố tụng, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Xét về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Danh B kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện M vào ngày 04/3/2004. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc và có 03 con chung. Tuy nhiên đến năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, không quan tâm và chăm sóc lẫn nhau.

Quá trình xác minh, đại diện chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Danh B sống ly thân từ tháng 01 năm 2018 cho đến nay. Ông Nguyễn Danh B thường xuyên đi làm ăn xa và không lo chăm sóc gia đình và các con. Để bà Nguyễn Thị B một mình đi làm và nuôi các con, lo cuộc sống gia đình.

Hội đồng xét xử căn cứ kết quả xác minh cũng như ý kiến trình bày đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Danh B đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Danh B.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Nguyễn Thị G với ông Nguyễn Danh B có 03 (ba) con chung: Cháu Nguyễn Thị B, sinh năm 1999, cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/01/2007, cháu Nguyễn Danh Gia H, sinh ngày 13/9/2008. Hiện nay, cháu Nguyễn Thị B đã trên 18 tuổi là lập gia đình, nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Quá trình làm việc tại Tòa án, các cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Danh Gia H trình bày muốn được ở với bà Nguyễn Thị G và bà G có nguyện vọng nhận nuôi các cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Danh Gia H đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*. Tại thời điểm mở phiên tòa cháu Nguyễn Thị H 14 (Mười bốn) tuổi 04 (Bốn) tháng 07 (Bảy) ngày và cháu Nguyễn Danh Gia H 12 (Mười hai) tuổi 08 (Tám) tháng 15 (Mười lăm) ngày. Hiện nay các cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Danh Gia H đang chung sống với bà Nguyễn Thị G. Mặt khác, ông Nguyễn Danh B thường xuyên đi làm ăn xa. Bà Nguyễn Thị G có công việc ổn định và kinh doanh phòng trọ, thu nhập trung bình hàng tháng 8.000.000đ/tháng. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao các cháu Nguyễn Thị H, Nguyễn Danh Gia H cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các

cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Danh B được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị G không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147 và Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Danh B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị H, sinh ngày 11/01/2007 và cháu Nguyễn Danh Gia H, sinh ngày 13/9/2008 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2019/0014563 ngày 21 tháng 01 năm 2021.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7,

7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M’Đrăk;
- Chi cục THADS huyện M’Đrăk;
- UBND xã E, huyện M;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

